TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2021/DS-PT
Ngày: 10-6-2021
V/v "Tranh chấp Hợp đồng Dân sự Vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thanh

Ông Nguyễn Thành Tâm

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Tâm – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Ông Trần Minh Công – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2021/TLPT- DS ngày 11 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp: "Hợp đồng Dân sự Vay tài sản".

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 07/2021/DS-ST ngày 15/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 120/2021/QĐ-PT ngày 13/5/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đào Thị Đ, sinh năm: 1961; cư trú tại thôn Lạc Viên B, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Bị đơn:

1/ Bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1960; cư trú tại số 175, thôn H, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

2/ Bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm: 1981; cư trú tại thôn H, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Đỗ Bảo Tr, sinh năm: 1971; cư trú tại thôn H, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị D, Bà Nguyễn Thị Bích H – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ghi ngày 04/11/2020, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm của Bà Đào Thị Đ thì: Ngày 01/6/2020 bà cho Bà Nguyễn Thị D và Bà Nguyễn Thị Bích H vay số tiền 4.000.000.000đ, hai bên có lập văn bản xác nhận việc vay tiền, thời hạn trả nợ đến ngày 01/7/2020, ngày 17/6/2020 Bà Nguyễn Thị D và Bà Nguyễn Thị Bích H tiếp tục vay của bà số tiền 2.400.000.000đ có xác nhận việc vay tiền, thời hạn trả nợ đến ngày 17/6/2020. Tổng cộng số tiền mà bị đơn vay là 6.400.000.000đ, vào ngày 10/6/2020 chồng của Bà Nguyễn Thị Bích H có lấy thêm của bà số tiền 300.000.000đ, nội dung thể hiện *"10/6 chồng Hà lấy 300.000 ba trăm triệu"*, có chữ ký của chồng bà H là Ông Đỗ Bảo Tr; các khoản tiền vay nói trên, nay đã quá hạn trả nợ theo thỏa thuận. Bà đã nhiều lần yêu cầu bà D và bà H trả số tiền nói trên nhưng bà D và bà H không trả. Mặc dù trong giấy vay tiền chỉ có một mình bà D ký xác nhận nợ nhưng việc vay tiền là do bà D và bà H cùng vay và cùng nhận tiền. Nay bà yêu cầu bà Tòa án giải quyết buộc bà D và bà H liên đới trả cho bà số tiền còn nợ 6.400.000.000đ và bà H trả cho bà số tiền 300.000.000đ, không yêu cầu trả lãi.

- Đối với Bà Nguyễn Thị D: theo biên bản làm việc tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lâm Đồng (bút lục 25, 26) thì thể hiện từ năm 2007 con bà (Nguyễn Thị Bích H) có thỏa thuận về việc vay tiền với Bà Đào Thị Đ, việc thỏa thuận nội dung vay tiền do con bà thỏa thuận với bà Đ, tuy nhiên khi viết giấy mượn tiền bà Đ luôn yêu cầu bà là người viết. Việc vay thanh toán tiền lãi cho bà Đ được thực hiện như sau: sau khi bà viết giấy mượn tiền bà Đ giao đủ tiền cho con bà sử dụng, cứ 10 ngày bà Đ tính lãi 01 lần và yêu cầu bà hoặc con bà thanh toán tiền lãi cho bà Đ, số tiền con bà vay bà Đ khoảng 3.000.000.000đ về sau tăng lên thành 6.400.000.000đ, số tiền lãi con bà đã thanh toán cho bà Đ khoảng 9.000.000.000đ, lãi suất bà Đ cho vay là 1.500đ – 2000đ/1.000.000đ/ngày. Đến tháng 6/2000 con bà không có tiền đóng lãi cho bà Đ nên bà Đ yêu cầu con rể bà là Đỗ Bảo Trị viết giấy nhận nợ số tiền 300.000.000đ. Việc tính toán tiền lãi được bà Đ ghi vào 01 tờ giấy và thông thường thì đưa cho bà để bà đưa lại cho con bà kiểm tra và đóng lãi cho bà Đ, tuy nhiên sau khi đóng lãi cho bà Đ thì con bà đều xé bỏ các tài liệu này, đến nay bà không có giấy tờ tài liệu gì liên quan đến việc vay tiền giữa bà H, bà với Bà Đào Thị Đ.

- Đối với Bà Nguyễn Thị Bích H: theo biên bản làm việc tại cơ quan Công an tỉnh Lâm Đồng (bút lục 17, 18) thì bà H khai từ năm 2017 bà bắt đầu vay tiền của bà Đ, lúc đầu số tiền vay khoảng 3.000.000.000đ, lãi suất là 1.500đ/1.000.000đ/ngày thỏa thuận 10 ngày trả tiền lãi 01 lần, việc thỏa thuận vay mượn tiền do bà và bà Đ thực hiện nhưng viết giấy mượn tiền là do mẹ bà viết. Về sau bà có vay thêm tiền của bà Đ nên số tiền tăng lên thành 4.000.000.000đ, khoản vay này giữa bà với bà Đ được duy trì từ năm 2017 đến nay, trong năm 2019 bà có trả lại cho bà Đ 1.000.000.000đ, sau đó bà Đ lại đưa cho bà vay lại số tiền trên,

toàn bộ tiền lãi bà đã trả cho khoản vay này tính đến nay khoảng 8.000.000.000đ. Số tiền nợ gốc của khoản vay này (4.000.000.000đ) đến nay bà chưa trả được cho bà Đ, khoảng tháng 12/2019 bà có vay của bà Đ 1.500.000.000đ, lãi suất 2000đ/1.000.000đ/ngày. Thỏa thuận 10 ngày trả lãi 01 lần, hàng tháng đều viết lại giấy vay tiền, đối với khoảng vay này về sau bà có vay thêm số tiền gốc tăng lên là 2.700.000.000đ, bà đã trả được cho bà Đ khoảng hơn 800.000.000đ tiền lãi cho khoản vay này, bà còn nợ bà Đ tổng số tiền nợ gốc của các khoản vay trên là 6.700.000.000đ. Bà H còn cho biết việc thỏa thuận vay tiền là do bà và bà Đ thực hiện, tuy nhiên khi viết giấy mượn tiền thì bà Đ đều yêu cầu mẹ bà viết để bà Đ yên tâm việc bà và mẹ bà phải thanh toán trả nợ cho bà Đ. Việc vay tiền giữa bà và bà Đ không liên quan gì đến chồng bà là Ông Đỗ Bảo Tr.

Tại biên bản lấy lời khai đối chất ngày 14/01/2021 tại Tòa án, tuy bà H không ký vào biên bản nhưng bà thừa nhận bà mới là người vay số tiền trên của bà Đ vào năm 2020, bà D chỉ là người ký giấy vay giúp bà. Vì khi thỏa thuận vay tiền bà Đ yêu cầu phải có mặt bà D thì bà Đ mới cho vay tiền và đưa tiền cho bà H, bà H xác định số tiền 6.700.000.000đ trên là do một mình bà H vay và một mình bà H tự chịu trách nhiệm trả nợ cho bà Đ.

- Theo lời trình bày của Ông Đỗ Bảo Tr thì: Ông và Bà Nguyễn Thị Bích H là vợ chồng hợp pháp, vào ngày 10/6/2020 bà H có vay của bà Đ số tiền 300.000.000đ, nhưng do bà H bận công việc không thể đến gặp bà Đ để lấy tiền được nên có nhờ ông đến nhận tiền thay và viết vào giấy mượn tiền ngày 07/6/2020 với nội dung "10/6 chồng Hà lấy 300.000 ba trăm triệu", ông có ký và ghi tên Đỗ Bảo Trị vào trong giấy. Ông Trị khẳng định đây là số tiền mà bà H vay của bà Đ, không liên quan đến ông nên ông yêu cầu bà H có nghĩa vụ phải trả cho bà Đ số tiền này.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ Bà Nguyễn Thị D và Bà Nguyễn Thị Bích H đến Tòa án để trình bày lời khai, đối chất, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà D và bà H đều vắng mặt không có lý do do vậy không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngày 14/01/2021 Bà Đào Thị Đ có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ theo quy định và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại Bản án số 07/2021/DS-ST ngày 15 tháng 3 năm 2021; Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện *"Tranh chấp Hợp đồng Dân sự Vay tài sản"* của nguyên đơn Bà Đào Thị Đ đối với đồng bị đơn Bà Nguyễn Thị D và Bà Nguyễn Thị Bích H.

Buộc Bà Nguyễn Thị D và Bà Nguyễn Thị Bích H có nghĩa vụ liên đới trả cho Bà Đào Thị Đ số tiền nợ vay 6.400.000.000đ.

Buộc Bà Nguyễn Thị Bích H trả cho Bà Đào Thị Đ số tiền 300.000.000đ.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 07/4/2021 Bà Nguyễn Thị D, Bà Nguyễn Thị Bích H có đơn kháng cáo Bản án Dân sự sơ thẩm; cho rằng trong thực tế chỉ có Bà Nguyễn Thị Bích H vay tiền của Bà Đào Thị Đ, còn Bà Nguyễn Thị D chỉ đứng tên và có mặt để vay hộ cho bà H, bà H cũng thừa nhận bà H vay trực tiếp của bà Đ.

Tại phiên tòa,

Bà Nguyễn Thị Bích H vẫn giữ nguyên kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa Bản án sơ thẩm, chỉ buộc bà trả cho bà Đ số tiền 6.400.000.000đ.

Nguyên đơn đề nghị giải quyết như Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Bà Nguyễn Thị Bích H, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của Bà Nguyễn Thị D, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xuất phát từ việc giữa Bà Đào Thị Đ và Bà Nguyễn Thị D, Bà Nguyễn Thị Bích H nhiều lần xác lập giao dịch dân sự vay tài sản; do bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ cũng như giữa các bên không thống nhất về người phải có nghĩa vụ trả nợ nên các bên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là "Tranh chấp Hợp đồng dân sự Vay tài sản" là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn thì thấy rằng:

[2.1] Tòa án đã triệu tập hợp lệ Bà Nguyễn Thị D đến tham gia phiên tòa phúc thẩm, tuy nhiên Bà Nguyễn Thị D vắng mặt không có lý do. Do bà D có đơn kháng cáo nhưng không có mặt thì được xem là từ bỏ quyền kháng cáo. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 289 và Điều 295 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của Bà Nguyễn Thị D.

[2.2] Đối với khoản tiền bà D, bà H vay của bà Đ thì thấy rằng:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện thì việc bà Đ cho bà D, bà H vay tiền nhiều lần là có xảy ra trong thực tế, cụ thể bà D, bà H thừa nhận có vay số tiền 6.400.000.000đ của bà Đ, tuy nhiên bị đơn cho rằng việc vay tiền và sử dụng tiền là do bà H là người trực tiếp vay, bà D chỉ là đứng tên trên giấy vay tiền theo yêu cầu của bà Đ, bà D ký vào giấy vay tiền thì bà Đ mới cho bà H vay tiền. Xét thấy, tại giấy vay tiền ngày 01/6/2020 thể hiện nội dung *"Tôi tên là Nguyễn*

Thị D, sinh năm 1961, hiện ở tại Lạc Lâm, và chồng là Nguyễn Văn B, sinh năm 1954, hiện ở tại Lạc Lâm. Hôm nay ngày 01/6/2020 vợ chồng tôi có mượn của bà C số tiền là 4.000.000.000đ (bốn tỷ đồng chẵn), hẹn đến ngày 01/7/2020 vợ chồng tôi sẽ trả số tiền trên, nếu không trả, vợ chồng tôi sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật". Tại giấy vay tiền ngày 07/6/2020 thể hiện nội dung *"Tôi tên là Nguyễn Thị D, sinh năm 1961, hiện ở tại Lạc Lâm, và chồng là Nguyễn Văn B, sinh năm 1954, hiện ở tại Lạc Lâm. Hôm nay ngày 07/6/2020 vợ chồng tôi có mượn của bà C số tiền là 2.400.000.000đ (hai tỷ bốn trăm triệu đồng chẵn), hẹn đến ngày 17/6/2020 vợ chồng tôi sẽ trả số tiền trên, nếu không trả, vợ chồng tôi sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật"*. Như vậy, qua xem xét giấy vay tiền ngày 01/6/2020 và giấy vay tiền ngày 07/6/2020 nói trên thể hiện người vay tiền là Bà Nguyễn Thị D, giấy vay tiền do bà D ký. Như vậy bà D cho rằng khoản tiền trong 02 giấy vay ngày 01/6/2020 và giấy vay ngày 07/6/2020 là bà H đứng ra vay, còn bà D chỉ ký vào theo yêu cầu của bà Đ là không có cơ sở chấp nhận, hơn nữa tại biên bản lấy lời khai ngày 25/9/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lâm Đồng thực hiện (BL 22) thì Bà Nguyễn Thị Bích H đã khai: *"...Từ năm 2017 tôi bắt đầu vay tiền của bà Đ để làm dịch vụ đáo hạn Ngân hàng, việc thỏa thuận vay mượn tiền do tôi và bà Đ thỏa thuận nhưng khi viết giấy tờ ghi nhận thì bà Đ đều yêu cầu mẹ tôi (Bà Nguyễn Thị D) viết giấy và ký xác nhận. Tôi thực hiện việc trả lãi cho bà Đ hàng tháng, lãi suất vay là 1.500đ/1.000.000đ/ngày và thanh toán trả nợ hết tiền gốc và tiền lãi cho bà Đ vào tháng 01/2018 để bà Đ....Đến tháng 3/2020 tôi có thỏa thuận với bà Đ về việc vay tiền của bà Đ số tiền 6.700.000.000đ để đáo hạn Ngân hàng, bà Đ đồng ý cho tôi vay số tiền trên nhưng yêu cầu tôi phải trả lãi suất 1.500đ/1.000.000đ/ngày đối với số tiền 4.000.000.000đ và 2.000đ/1.000.000đ/ngày với số tiền vay còn lại (2.700.000.000đ), tôi đồng ý với yêu cầu của bà Đ, sau đó theo yêu cầu của bà Đ mẹ tôi viết giấy mượn tiền (02 giấy) ghi nhận việc mẹ tôi mượn tiền của bà Đ số tiền 6.700.000.000đ và bà Đ đưa cho tôi vay số tiền 6.700.000.000đ"*. Như vậy bà D và bà H cho rằng việc vay tiền của bà Đ là do một mình bà H đứng ra vay là không có căn cứ, do đó cấp sơ thẩm buộc bà D và bà H cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà Đ số tiền 6.400.000.000đ là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật.

[2.3] Đối với khoản tiền ông Đỗ Bảo Tr ký nhận của bà Đ thì thấy rằng: Tại giấy vay tiền ngày 07/6/2020 phía dưới thể hiện nội dung *"10/6 chồng Hà lấy 300.000.000đ, có chữ ký và ghi họ tên Đỗ Bảo Trị"*. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án bà H thừa nhận có vay của bà Đ tổng số tiền 6.700.000.000đ bao gồm cả số tiền 300.000.000đ mà ông Trị đã ký nhận, đồng thời tại biên bản lấy lời khai ngày 23/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng thực hiện (BL 63) Ông Đỗ Bảo Tr trình bày *"...tôi có viết nội dung "10/6 chồng Hà lấy 300.000.000đ", theo đó vợ tôi là Nguyễn Thị Bích H có vay của Bà Đào Thị Đ số tiền 300.000.000đ*

nhưng do vợ tôi bận việc không đến lấy được nên tôi mới đến lấy thay, tôi khẳng định số tiền nói trên không liên quan gì đến tôi, tôi không nợ số tiền này mà vợ tôi nợ, tôi chỉ ký thay nên bà H có trách nhiệm trả số tiền này cho bà Đ". Như vậy ông Trị chỉ là người lấy tiền thay cho bà H, bà H thừa nhận bà H vay của bà Đ số tiền 300.000.000đ này, mặt khác bà Đ cũng khẳng định số tiền 300.000.000đ là do bà H vay của bà Đ, do đó cần buộc bà H có trách nhiệm trả cho bà Đ số tiền 300.000.000đ là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Với những nhận định trên; không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Bà Nguyễn Thị Bích H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm theo hướng đã nhận định.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc Bà Nguyễn Thị D, Bà Nguyễn Thị Bích H phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả là 6.400.000.000đ. Tuy nhiên, Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1960; tính đến thời điểm xét xử đã trên 60 tuổi. Theo quy định tại Điều 2 của Luật Người cao tuổi số 39/2009/QH12 ngày 23/11/2009 bà D thuộc trường hợp là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí, căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà D thuộc trường hợp được miễn án phí nên cần miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho bà D là phù hợp.

Bà Nguyễn Thị Bích H phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định; cụ thể:

- Đối với số tiền 6.400.000.000đ mà bà D và bà H liên đới trả cho bà Đ: 112.000.000đ + 0,1% x 2.400.000.000đ = 114.400.000đ/2 = 57.200.000đ.

- Đối với số tiền 300.000.000đ bà H trả cho bà Đ 300.000.000đ x 5% = 15.000.000đ.

Tổng cộng bà H phải chịu 72.200.000đ án phí Dân sự sơ thẩm.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên Bà Nguyễn Thị Bích H phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 295, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của Bà Nguyễn Thị D.

Không chấp nhận kháng cáo của Bà Nguyễn Thị Bích H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Đào Thị Đ đối với Bà Nguyễn Thị D, Bà Nguyễn Thị Bích H về việc "*Tranh chấp Hợp đồng dân sự Vay tài sản*".

Buộc Bà Nguyễn Thị D, Bà Nguyễn Thị Bích H có trách nhiệm liên đới trả cho Bà Đào Thị Đ tổng số tiền là 6.400.000.000đ (sáu tỷ bốn trăm triệu đồng).

Buộc Bà Nguyễn Thị Bích H phải có trách nhiệm trả cho Bà Đào Thị Đ số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng).

2. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm cho Bà Nguyễn Thị D.

Buộc Bà Nguyễn Thị Bích H phải chịu 72.200.000đ án phí Dân sự sơ thẩm.

Bà Đào Thị Đ không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm, bà Đ được nhận lại số tiền 57.350.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0002730 ngày 23/11/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Án phí phúc thẩm:

Miễn toàn bộ án phí Dân sự phúc thẩm cho Bà Nguyễn Thị D.

Bà Nguyễn Thị Bích H phải chịu 300.000đ án phí Dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 600.000đ tiền tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0002946 ngày 23/4/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Trả lại cho bà D số tiền 300.000đ.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành Án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KT-NV & THA;
- TAND huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng;
- Đương sự (04);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Huỳnh Châu Thạch